

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH SƠN**

**TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2020

V/v Ly hôn, con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

2. Ông Nguyễn Gia Thắng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: *Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/HNGĐ, ngày 29/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Lịch 2, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Bùi Đức Dũng- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu Lịch 2, xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị Lừng trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị L kết hôn với anh Đinh Văn T năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Càn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn là do anh chị tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2019 chị Lùng đi làm ăn xa nhà, anh Th hay gh tuông vô cớ, trong cuộc sống vợ chồng cũng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Th hay rượu chè chửi mắng chị, đe dọa chị, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Th không thay đổi, hiện tại vợ chồng sống ly thân. Chị L nhận thấy đời sống hôn nhân thực tế không tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng là không thể khắc phục được, tình cảm chị dành cho anh T đã hết nên chị xin ly hôn anh T để giải phóng cho nhau và ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Văn T, sinh ngày 30/4/2013, hiện tại con chung đang ở với anh T. Ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo trình bày của chị L vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn- Anh Đinh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, điều kiện kết hôn và cuộc sống chung vợ chồng như chị trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn như chị L trình bày và vợ chồng ly thân kể từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn anh nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Văn T, sinh ngày 30/4/2013, hiện tại con chung đang ở với anh. Ly hôn anh xin nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* *Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* Căn cứ tình trạng hôn nhân thực tế của chị L, anh T đã không tồn tại, chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Giao cho chị L được trực tiếp nuôi con chung là Đinh Văn

T- Sinh ngày 30/4/2013. Về tài sản chung: Đề nghị xem xét xác định vợ chồng chị L, anh T không có tài sản chung.

*\* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn:*

*Về tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về lập hồ sơ và thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Điều 70-71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70-72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đinh Văn T. Về con chung: Giao cháu Đinh Văn T, sinh ngày 30/4/2013 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Thành niên thành niên. Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn T đều đăng kí HKTT và cư trú tại xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35- BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 31/7/2020, chị Đinh Thị L nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án. Anh Đinh Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1+3 Điều 228; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Những phân tích , đánh giá về tình trạng hôn nhân và các quan hệ khác trong vụ án của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là

có căn cứ bởi lẽ: Chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Hương Càn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, Quá trình chung sống chị L, anh T không cùng nhau vun đắp xây dựng mối quan hệ hôn nhân của mình bền vững, hạnh phúc mà cả hai đều có ý thức buông xuôi khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và kết quả quan hệ hôn nhân đó đã bị đổ vỡ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L, anh T cùng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị L, anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp qui định của pháp luật nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L, anh T là có căn cứ tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ly hôn anh T, chị L đều có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của cha mẹ là hoàn toàn chính đáng, nhưng hiện tại con chung của anh T, chị L đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T có nguyện vọng muốn ở cùng bố. Để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt cũng như tâm lý của trẻ em khi bố mẹ ly hôn nên giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2020, cho đến khi cháu T niên, tự lực được. Anh T không yêu cầu chị Lừng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị L, anh T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Chị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm .

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Văn T, sinh ngày 30/4/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi thành niên, tự lực được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đình Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002127 ngày 29/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết tại UBND xã Hương Càn- huyện Thanh Sơn để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hương Càn.;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Nguyễn Thị Bích Thủy**